

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27- 4- 2021

V/v: Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Anh

Bà Ngô Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Sỹ Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 386/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXX-ST ngày 02 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn C - sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn 4, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị H - sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn 9, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa, có mặt anh C, vắng mặt chị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 09 tháng 12 năm 2020, các văn bản tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Lê Văn C trình bày: Anh và chị Lê Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2007 ngày 18 tháng 12 năm 2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hoàn thuận hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tính không hợp, quan điểm sống không đồng nhất, cụ thể như việc thi thoảng anh Cường có uống rượu cùng anh em bạn bè dẫn đến vợ chồng hay to tiếng với nhau. Tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống thân từ năm 2013 đến nay. Chị H về ở với bố mẹ đẻ là ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị Th ở Thôn X, xã T, huyện T. Hai bên gia đình khuyên giải nhưng tình cảm vợ

chồng không hàn gắn được. Anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Lê Thị Hoàng A sinh ngày 06/02/2009. Cháu Hoàng A khỏe mạnh, học giỏi, đang ở với bố và bà nội. Anh C làm việc cho Công ty Mobiphone tại Thanh Hóa, thu nhập bình quân 6.000.000đ/tháng. Trong thời gian anh đi làm có bà và các bác hỗ trợ trong việc đưa đón cháu đi học. Anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu Hoàng A và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 30/01/2021, bị đơn là chị Lê Thị H trình bày và đề nghị: Chị và anh C kết hôn ngày 18/12/2007, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết tại UBND xã B. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong tất cả các công việc. Anh C hay tụ tập bạn bè rượu chè dẫn tới vợ chồng nhiều lần cãi vã, xô xát. Chị không chịu đựng được nên bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn X xã T ở cho đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con gái tên là Lê Thị Hoàng A, sinh ngày 06/02/2009, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay cháu Hoàng A sống cùng bố, cháu có nguyện vọng ở với bố nên chị cũng đồng ý giao con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 20/01/2021 tại UBND xã X, huyện Triệu Sơn thể hiện: Anh Lê Văn C và chị Lê Thị H kết hôn năm 2007. Quá trình vợ chồng chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp. Vợ chồng sống ly thân, mỗi người mỗi nơi, anh C vẫn sinh sống ở địa phương, chị H về ở với bố mẹ đẻ tại xã T. Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thị Hoàng A đang ở với bố và bà nội. Anh C có điều kiện nuôi con, không có vi phạm pháp luật. Đề nghị Tòa án xem xét yêu cầu của đương sự theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 56,81,82,83 LHNGĐ: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C, xử cho anh C được ly hôn chị H. Về con chung chấp nhận cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Hoàng A. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh C khởi kiện xin ly hôn chị H đăng ký hộ khẩu tại xã X, huyện T và đang cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 BLTTDS.

Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H nhưng tại phiên họp và phiên tòa chị đều vắng mặt. Tại phiên tòa lần thứ hai, chị H vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh C và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2007 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến hay cãi vã, xô xát, tình cảm vợ chồng rạn nứt, ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài, cuộc sống của ai người đó tự lo. Gia đình hai bên đã giàn xếp hòa giải nhưng không thành. Anh C đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H vì tình cảm vợ chồng không còn. Chị H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C, xử cho anh được ly hôn chị H.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Lê Thị Hoàng A sinh ngày 06/02/2009. Anh C có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hoàng A vì lâu nay cháu ở với bố, cháu khỏe mạnh, học giỏi. Anh C có mức thu nhập ổn định, có điều kiện chăm sóc con. Cháu Hoàng A cũng có nguyện vọng ở với bố. Chị H cũng đồng ý giao con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, chấp nhận nguyện vọng của anh C, giao cháu Hoàng A cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết phân cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xét. Trong quá trình nuôi dưỡng, nếu anh C không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 271, 273, 278, 280 BLTTDS; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia

định; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Lê Văn C được ly hôn chị Lê Thị H.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu Lê Thị Hoàng A sinh ngày 06/02/2009. Giao cháu Hoàng A cho anh Cường trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2018/0004308 ngày 28/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Anh C đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu

